TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/12/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được

khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, anh T hay uống rượu, bới chửi đánh đập chị. Chị và hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân, không còn qua lại tình cảm với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị H xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Đinh Thị Khánh H1, sinh ngày 20/8/2009; cháu Đinh Thị Bảo Y, sinh ngày 11/10/2012 và cháu Đinh Văn K, sinh ngày 04/9/2015. Hiện nay cháu K đang ở với chị H, còn cháu Khánh H1 và cháu Bảo Y đang ở với anh T. Ly hôn, quan điểm chị H là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K; còn cháu Khánh H1 và cháu Bảo Y hiện đang ở với anh T, chị H đề nghị Toà giải quyết giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập ngày 24/02/2025, đại diện UBND xã Q cho biết: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T vào ngày 24/12/2007. Qúa trình chung sống vợ chồng chị H và anh T có 03 con chung là cháu Đinh Thị Khánh H1, sinh ngày 20/8/2009; cháu Đinh Thị Bảo Y, sinh ngày 11/10/2012 và cháu Đinh Văn K, sinh ngày 04/9/2015. Hiện nay chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T đã sống ly thân nhau. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Văn K, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao các cháu Đinh Thị Khánh H1, sinh ngày 20/8/2009 và cháu Đinh Thị Bảo Y, sinh ngày 11/10/2012 cho anh Đinh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đinh Văn T, hiện đang cư trú tại: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Đinh Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2007, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, bất đồng về quan điểm, nên đã thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân. Qúa trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và

anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn T.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T có 03 con chung là cháu Đinh Thị Khánh H1, sinh ngày 20/8/2009; cháu Đinh Thị Bảo Y, sinh ngày 11/10/2012 và cháu Đinh Văn K, sinh ngày 04/9/2015.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có ý kiến đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu K và có ý kiến đề nghị giao cháu Khánh H1 và cháu Bảo Y cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T thì không trình bày quan điểm về nuôi con chung; Con chung là cháu Khánh H1 và cháu Bảo Y hiện đang ở với anh T và có văn bản thể hiện nguyện vọng là xin được ở với bố (anh T); Cháu K hiện đang ở với chị H thì có văn bản thể hiện nguyện vọng là xin được ở với mẹ (chị H). Như vậy, yêu cầu đề nghị của chị H là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Xét chị H và anh T đều có các điều kiện để trực tiếp nuôi con; hơn nữa vợ chồng có 03 con chung cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, việc giao cả 03 con cho một người trực tiếp nuôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cho cả hai bên vợ chồng mỗi người đều được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cụ thể: cháu K hiện đang ở với chị H, nên giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Khánh H1 và Bảo Y hiện đang ở với anh T, nên cần giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị H có ý kiến là hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Anh T không có quan điểm thể hiện việc có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung hay không, nên chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Đinh Văn T không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T có 03 (ba) con chung là cháu Đinh Thị Khánh H1, sinh ngày 20/8/2009; cháu Đinh Thị Bảo Y, sinh ngày 11/10/2012 và cháu Đinh Văn K, sinh ngày 04/9/2015.

Giao con chung là cháu Đinh Văn K cho chị Phạm Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là cháu Đinh Thị Khánh H1 và Đinh Thị Bảo Y cho anh Đinh Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005269 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến